

CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐẠT NGUYỄN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐẠT NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400983340

3. Ngày thành lập: 22/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đầu (tại nhà ông Hoàng Văn Tư), Xã Tự Lạn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0799248166

Fax:

Email: datnguyentmdv@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ: Bán buôn dược phẩm	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Bán buôn dược phẩm	4669
12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
13.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
14.	Trồng cây mía	0114
15.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
16.	Trồng cây lấy sợi	0116
17.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
18.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
19.	Trồng cây hàng năm khác	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121

Thời gian đăng từ ngày 23/01/2024 đến ngày 22/02/2024

21.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
22.	Trồng cây điều	0123
23.	Trồng cây hồ tiêu	0124
24.	Trồng cây cao su	0125
25.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
26.	Khai thác và thu gom than non	0520
27.	Khai thác quặng sắt	0710
28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : - Khảo sát xây dựng; (Điều 91 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; (Điều 92 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; (Điều 93 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; (Điều 94 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; (Điều 96 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Kiểm định xây dựng; (Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. (Điều 98 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	7110
29.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)	4690
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
33.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
34.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
35.	Sản xuất than cốc	1910
36.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
37.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
38.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
39.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Điều 4 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP	4931
40.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định (Điều 5 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933

42.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Điều 4,5,6 Nghị định 160/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 147/2018/NĐ-CP)	5012
43.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông; (Điều 4 Nghị định 110/2014/NĐ-CP)	5021
44.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa (Khoản 5 Điều 4 Nghị định 110/2014/NĐ-CP)	5022
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Loại trừ: Hoạt động hoa tiêu	5222
47.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ: Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay)	5229
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Xây dựng công trình điện	4221
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
57.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
58.	Xây dựng công trình thủy	4291
59.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
60.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
63.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
64.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

